

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82

Fax: (024) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 09 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2018	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2018	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng bách hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Tổng bách hóa (gọi tắt là Công ty) là đơn vị được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101527970, đăng ký lần đầu ngày 16/08/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/02/2015 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó;

Vốn điều lệ của Công ty: **31.178.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Ba một tỷ một trăm bảy tám triệu đồng chẵn)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh kho, bất động sản, nhà ở
Chi tiết: Kinh doanh hàng bách hóa, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc lá, hàng tiêu dùng, vật tư bảo hộ lao động, kim khí, vật tư nông nghiệp, lương thực, nông sản, vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
Chi tiết: Kinh doanh thuốc lá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Kinh doanh văn hóa phẩm
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
Chi tiết: Kinh doanh vải giả da, vải bạt, vải sợi may mặc;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: Kinh doanh hàng điện máy; Mua bán các thiết bị điện tử, điện lạnh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Kinh doanh thiết bị phụ tùng;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm
Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm;

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị:

1 Bà Lê Thị Hợp

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 2 Ông Đinh Ngọc Khanh
- 3 Ông Phạm Ngọc Dương
- 4 Ông Nguyễn Đình Hiệp

Thành viên
Thành viên
Thành viên

B Ban Tổng Giám đốc:

- 1 Ông Đinh Ngọc Khanh
- 2 Ông Phạm Ngọc Dương
- 3 Ông Nguyễn Đình Hiệp
- 4 Ông Vũ Hoàng Tùng
- 5 Ông Nguyễn Văn Khoa
- 6 Ông Mạnh Hoàng Thao
- 7 Bà Đoàn Thị Lê Vân
- 8 Ông Hoàng Quyết Chiến

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2018)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ 10/05/2019)
Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 10/05/2019)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Dại diện
Công ty Cổ phần Tổng bách hóa
CÔNG TY CỔ PHẦN TÔNG BACH HOA
TÔNG BACH HOA
ĐINH - TP. HÀ NỘI

Tổng Giám đốc

Đinh Ngọc Khanh

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2020



Số: 152/2020/BCKT/BCTC - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng bách hóa được lập ngày 15/09/2020, từ trang 06 đến trang 36 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2018. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Tại thời điểm kiểm toán chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận số dư công nợ các khoản phải thu, các khoản phải trả, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, nhưng kết quả vẫn chưa đủ cơ sở để có thể đưa ra ý kiến. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng bách hóa tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại phụ lục số 5 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nguồn vốn chủ sở hữu âm với số tiền là (262.652.180.060) đồng, các khoản nợ ngắn hạn của công ty đã vượt quá Tổng tài sản là 262.652.180.060 VND. Ngoài ra, khoản lỗ thuần của công ty đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là (298.775.853.790) đồng. Công ty đang tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ phải thu khách hàng, đồng thời cùng với sự hỗ trợ tài chính của Tập đoàn Tân Hoàng Minh đã cho vay vốn để đảm bảo cho Công ty hoạt động liên tục và tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư đang triển khai.

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thu Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 3256-2020-016-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Lệ Hồng Thu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 2659-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.929.843.422	74.674.512.631
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.926.862.801	1.992.612.858
1. Tiền	111	V.01	2.926.862.801	1.992.612.858
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.573.483.005	12.683.483.005
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	12.573.483.005	12.683.483.005
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.050.086.776	54.932.333.497
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	110.075.782.956	110.285.368.043
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	631.183.532	557.999.438
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	9.463.806.586	8.570.028.314
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.06	(63.120.686.298)	(64.481.062.298)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	1.688.117.633	1.831.960.931
1. Hàng tồn kho	141		1.688.117.633	1.831.960.931
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.691.293.207	3.234.122.340
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.228.954	10.140.656
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.679.064.253	3.223.981.684
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.311.903.237	11.598.667.580
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.016.321.701	1.304.734.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.016.321.701	1.304.734.794
- Nguyên giá	222		21.315.078.260	21.315.078.260
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.298.756.559)	(20.010.343.466)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.957.825.000	6.957.825.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	6.957.825.000	6.957.825.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.245.325.956	3.245.325.956
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	3.245.325.956	3.245.325.956
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		92.430.580	90.781.830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	92.430.580	90.781.830
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.241.746.659	86.273.180.211

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		350.893.926.719	343.084.828.717
I. Nợ ngắn hạn	310		350.841.926.719	343.032.828.717
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16.849.674.459	17.857.938.833
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	13.197.943.171	12.488.131.442
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	18.440.740.130	15.683.379.191
4. Phải trả người lao động	314	V.15	14.303.000	14.303.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	15.439.332.851	14.877.149.975
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	126.848.595.358	115.053.908.395
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	159.461.544.308	166.345.524.439
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		589.793.442	712.493.442
II. Nợ dài hạn	330		52.000.000	52.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	52.000.000	52.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(262.652.180.060)	(256.811.648.506)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(262.652.180.060)	(256.811.648.506)
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	V.19	31.178.000.000	31.178.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.178.000.000	31.178.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.557.218.859	3.557.218.859
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.388.454.871	-
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	1.410.240.941
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(298.775.853.790)	(292.957.108.306)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(294.680.975.419)	(291.645.412.381)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.094.878.371)	(1.311.695.925)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.241.746.659	86.273.180.211

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2020

Tổng Giám đốc

Hoan
Hải Thanh Hoan

Hoan
Hoan Tuy, Tô Văn



Đinh Ngọc Khanh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	23.756.569.464	27.916.282.210
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.03	23.756.569.464	27.916.282.210
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	1.743.760.889	2.350.786.605
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		22.012.808.575	25.565.495.605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	889.921.051	707.456.792
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	7.899.824.070	11.111.285.216
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.899.824.070	11.111.285.216
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	10.306.120.655	9.045.277.348
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	10.226.338.151	8.059.056.899
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.529.553.250)	(1.942.667.066)
11. Thu nhập khác	31	VI.09	1.469.583.233	656.568.909
12. Chi phí khác	32	VI.10	34.908.354	25.597.768
13. Lợi nhuận khác	40		1.434.674.879	630.971.141
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.094.878.371)	(1.311.695.925)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.094.878.371)	(1.311.695.925)
18. Lợi nhuận sau thuế của Cty mẹ	61		(4.094.878.371)	(1.311.695.925)
19. Lợi nhuận sau thuế của CĐ không kiểm soát	62			
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.313)	(421)
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

lưu
Hà Thanh Lưu

Minh
Đoàn Thị Lưu

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2020
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đinh Ngọc Khanh
Đinh Ngọc Khanh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

		Đơn vị tính: đồng	
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(4.094.878.371)	(1.311.695.925)
2. Điều chỉnh do các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	288.413.093	453.246.270
- Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản			
- mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(889.921.051)	(707.456.792)
- Chi phí lãi vay	06	7.899.824.070	11.111.285.216
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.203.437.741	9.545.378.769
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.119.841.577)	9.192.631.601
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	143.843.298	3.000.703.129
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,			
thuế TNDN phải nộp)	11	16.813.803.527	(143.414.761)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	(1.648.750)	-
- Tiền lãi vay đã trả	15	(11.111.285.216)	(11.111.285.216)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	18	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	6.928.309.023	10.484.013.522
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	889.921.051	707.456.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	889.921.051	707.456.792
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.300.000.000	3.988.988.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.183.980.131)	(17.987.634.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.883.980.131)	13.998.646.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	934.249.943	2.807.175.686
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.992.612.858	4.799.788.544
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	2.926.862.801	1.992.612.858

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thanh Loan
Huỳnh Thanh Loan

Đinh Ngọc Khanh
Đinh Ngọc Khanh



Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2018****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Tổng bách hóa (gọi tắt là Công ty) là đơn vị được thành lập và hoạt động hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101527970, đăng ký lần đầu ngày 16/08/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/02/2015 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó;

Tên công ty: Công ty Cổ phần Tổng bách hóa

Vốn điều lệ: 31.178.000.000 đồng

(Ba một tỷ một trăm bảy tám triệu đồng chẵn)

Trụ sở chính: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và kinh doanh tổng hợp.**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh kho, bất động sản, nhà ở
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Kinh doanh hàng bách hóa, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc lá, hàng tiêu dùng, vật tư bảo hộ lao động, kim khí, vật tư nông nghiệp, lương thực, nông sản, vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
Chi tiết: Kinh doanh thuốc lá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Kinh doanh văn hóa phẩm
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
Chi tiết: Kinh doanh vải giả da, vải bạt, vải sợi may mặc;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: Kinh doanh hàng điện máy; Mua bán các thiết bị điện tử, điện lạnh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Kinh doanh thiết bị phụ tùng;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm
Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm;

4. Cấu trúc doanh nghiệp:

Danh sách công ty con được hợp nhất:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH (Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 100%).	Số 23 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng.
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền nam TBH (Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 100%).	Số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH (Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 100%).	Số 15 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản TBH (Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 100%).	Thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, TP.Hải Phòng.

5. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty tuyên bố Báo cáo tài chính năm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1 Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3 Trình tự và phương pháp hợp nhất:

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con, phần tài sản thuần của công ty mẹ nắm giữ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ (nếu có).

Phân bổ lợi thế thương mại;

Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ cho các giao dịch phát sinh trong nội bộ tập đoàn.

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tuy nhiên, các công ty con, công ty liên kết của công ty đều không bị lỗ hay đang trong giai đoạn đầu tư nên công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi :

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

- * Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Thực tế đích danh).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do hàng sản xuất và tiêu thụ theo đơn đặt hàng, trong năm cũng không có biến động giảm giá.

9. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm

Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 8 năm

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước của công ty gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

· Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

· Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong kỳ, các khoản hao hụt định mức, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.375.594.947	1.515.597.654
Tiền gửi ngân hàng	551.267.854	477.015.204
Cộng	2.926.862.801	1.992.612.858
02. Các khoản đầu tư tài chính <Chi tiết tại phụ lục số 01>		
03. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	110.075.782.956	110.285.368.043
<i>Công ty CP Tổng Bách Hóa</i>	<i>90.139.745.549</i>	<i>90.494.880.186</i>
Chi nhánh Công ty Vải sợi Nghĩa Hưng	5.231.716.930	5.231.716.930
Cty CP Kim loại màu Bắc Hà	38.530.812.354	39.122.712.354
Công Ty TNHH Bách Thông	14.402.534.548	14.402.534.548
Công Ty CP Phát Triển Việt Mỹ	235.665.305	235.665.305
Công ty CP Thương mại Dịch vụ XNK Hải Nam	8.693.302.423	8.693.302.423
Công Ty Cổ phần Nam Vang	348.140.740	348.140.740
Công ty Cổ phần thương mại Hoàng Sơn	337.634.559	337.634.559
Công ty cổ phần Đầu Tư Phát triển Thiên Trường	482.400.000	482.400.000
Công Ty TNHH Sản Xuất và TM Sao Đỏ	484.712.890	484.712.890
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Quang Việt Long	1.019.937.000	1.019.937.000
Công Ty TNHH TM và DV Tổng hợp Tuấn Long	286.452.240	286.452.240
Công ty TNHH Toàn Thắng	1.501.190.000	1.501.190.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hà Huy	2.007.700.280	2.007.700.280
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh Linh Giang	426.827.982	426.827.982
Công ty TNHH đầu tư thương mại Sản Xuất in Bao Bì Quang Trung	327.375.427	327.375.427
Hoàng Đức Long	3.097.655.000	3.097.655.000
Nguyễn Văn Sơn	4.336.717.000	4.336.717.000
Trần Văn Thành	2.080.749.000	2.080.749.000
Các khách hàng khác	1.623.129.871	1.386.364.508
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH</i>	<i>3.280.674.479</i>	<i>3.135.124.929</i>
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Miền nam TBH</i>	<i>8.783.939.566</i>	<i>8.783.939.566</i>
<i>Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH</i>	<i>7.871.423.362</i>	<i>7.871.423.362</i>
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	110.075.782.956	110.285.368.043
04. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	631.183.532	557.999.438

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

<i>Công ty CP Tổng Bách Hóa</i>	133.177.098	133.042.258
Chi nhánh Cty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt	104.500.000	104.500.000
Văn Phòng Luật sư Trường Long Giang	22.000.000	22.000.000
Các đối tượng khác	6.677.098	6.542.258
<i>Công ty TNHH MTV XNK TBH</i>	73.049.254	-
<i>Cty TNHH MTV TM Miền Nam TBH</i>	424.957.180	424.957.180
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c. Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-
Cộng	631.183.532	557.999.438

05. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	9.463.806.586	2.312.024.000	8.570.028.314	3.422.400.000
<i>Công ty CP Tổng Bách Hóa</i>	6.161.327.229	2.312.024.000	5.411.479.647	3.422.400.000
Tạm ứng	1.027.219.419	-	1.020.296.519	-
Phải thu ngắn hạn khác:	5.134.107.810	2.312.024.000	4.391.183.128	3.422.400.000
<i>Cty CP Công Nghiệp XD và TM Nam Lý</i>	1.356.250.000	1.356.250.000	1.356.250.000	1.356.250.000
<i>Công ty TNHH TM DV Khách Sạn Tân Hoàng Minh</i>	2.249.864.000	-	-	-
<i>Đình Ngọc Chính</i>	617.600.000	366.150.000	617.600.000	366.150.000
<i>Các đối tượng khác</i>	745.711.515	589.624.000	1.855.962.482	1.700.000.000
Dư nợ TK 338	110.682.295		447.370.646	
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	54.000.000		114.000.000	-
<i>Công ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập khẩu TBH</i>	334.285.690	-	190.355.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Thương Mại Miền Nam TBH</i>	1.729.991.990	-	1.729.991.990	-
<i>Công ty TNHH MTV Văn Hóa Phẩm</i>	1.213.684.340	-	1.213.684.340	-
<i>Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản</i>	24.517.337	-	24.517.337	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
c. Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	9.463.806.586	2.312.024.000	8.570.028.314	3.422.400.000

06. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	96.657.331.536	37.019.185.163	98.122.842.173	37.124.319.800
Cty CP Kim loại màu Bắc Hà	38.530.812.354	10.254.395.000	39.122.712.354	10.204.395.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội
Điện thoại: Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty TNHH Bách Thông	14.402.534.548	4.303.420.000	14.402.534.548	4.303.420.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại Miền Nam TBH	5.310.361.987	2.617.170.993	5.310.361.987	2.617.170.993
Hoàng Đức Long	3.097.655.000	929.296.500	3.097.655.000	929.296.500
Nguyễn Văn Sơn	4.336.717.000	1.301.015.100	4.336.717.000	1.301.015.100
Công ty TNHH Vũ Minh Hiếu	70.729.461	-	70.729.461	-
Chi nhánh Công Ty Vải Sợi Nghĩa Hưng	5.231.716.930	659.336.565	5.231.716.930	659.336.565
Công ty CP TM Hoàng Sơn	337.634.559	-	337.634.559	-
Công ty TNHH TM DV Quang Việt Long	1.019.937.000	48.439.200	1.019.937.000	48.439.200
Công Ty TNHH TM và DV Tổng hợp Tuấn Long	286.452.240	-	286.452.240	-
Công ty TNHH Thiết Bị Vật Tư Hà Nội	105.423.500	-	105.423.500	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ XNK Hải Nam	8.693.302.423	6.085.311.696	8.693.302.423	6.085.311.696
Trần Văn Thành	2.080.749.000	624.224.700	2.080.749.000	624.224.700
Đối tượng khác	13.153.305.534	10.196.575.409	14.026.916.171	10.351.710.046
Phải thu khác	4.053.598.084	571.058.159	4.053.598.084	571.058.159
Công ty CP Công Nghiệp XD và TM Nam Lý	1.356.250.000	-	1.356.250.000	-
Cty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	2.697.348.084	571.058.159	2.697.348.084	571.058.159

Cộng**100.710.929.620****37.590.243.322****102.176.440.257****37.695.377.959****07. Hàng tồn kho****Số cuối năm****Số đầu năm****Giá gốc****Dự phòng****Giá gốc****Dự phòng**

Nguyên liệu, vật liệu

-

-

Hàng hóa

1.688.117.633

-

1.831.960.931

-

Cộng giá gốc hàng tồn kho**1.688.117.633**

-

1.831.960.931

-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

08. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 02>**09. Chi phí XDCB dở dang****Số cuối năm****Số đầu năm****+ Xây dựng cơ bản dở dang****6.957.825.000****6.957.825.000**

Công trình nhà ở - Số 486 Ngọc Hồi

5.479.492.818

3.647.411.000

Công trình nhà văn phòng 38 Phan Đình Phùng

1.478.332.182

3.310.414.000

Cộng**6.957.825.000****6.957.825.000**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <Xem chi tiết tại phụ lục 01>**11. Chi phí trả trước**

Ngắn hạn

Dài hạn:

Chi phí chờ phân bổ

Cộng**Số cuối năm****Số đầu năm**

-

-

90.781.830

90.781.830

90.781.830

90.781.830

90.781.830**90.781.830****12. Phải trả người bán****Số cuối năm****Số đầu năm****Giá trị****Số có khả năng
trả nợ****Giá trị****Số có khả năng
trả nợ****a. Phải trả người bán ngắn hạn****16.849.674.459****16.849.674.459****17.857.938.833****17.857.938.833***Công ty CP Tổng Bách Hóa**3.179.696.089**3.179.696.089**4.161.795.489**4.161.795.489*Công ty Cổ phần Đầu Tư và
Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

818.344.500

818.344.500

1.703.344.500

1.703.344.500

Công ty Cổ phần thương mại
Hoàng Sơn

1.168.327.199

1.168.327.199

1.168.327.199

1.168.327.199

CN Tổng Công ty Giấy Việt
Nam tại Hà Nội

774.830.000

774.830.000

874.830.000

874.830.000

Các đối tượng khác

418.194.390

418.194.390

415.293.790

415.293.790

*Công ty TNHH MTV XNK
TBH**14.875.672**14.875.672**41.040.646**41.040.646**Cty TNHH MTV TM Miền
Nam TBH**6.800.001.853**6.800.001.853**6.800.001.853**6.800.001.853**Công ty TNHH MTV Văn Hóa
Phẩm**6.855.100.845**6.855.100.845**6.855.100.845**6.855.100.845***b. Phải trả người bán dài hạn**

-

-

-

-

**c. Phải trả người bán là các bên
liên quan**

-

-

-

-

Cộng**16.849.674.459****16.849.674.459****17.857.938.833****17.857.938.833****13. Người mua trả tiền trước****Số cuối năm****Số đầu năm****a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn****13.197.943.171****12.488.131.442***Công ty CP Tổng Bách Hóa**12.284.535.338**12.074.835.309*

Cty CP Tư vấn Đầu tư phát triển Công nghệ cao Minh Dương

16.133.700

9.075.300

Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Ngọc Hà

29.903.200

11.875.500

Công ty Cổ phần OSEVEN

7.228.300

13.466.700

Công ty TNHH Lương Gia

3.700.000.000

3.700.000.000

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Công Nghiệp Nhôm Việt Pháp Sha

17.640.800

40.405.400

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại HAIWAN Việt Nam

94.226.600

94.226.600

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn

3.678.679.283

3.681.293.979

Nguyễn Đức Linh

3.220.000.000

3.220.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Chu Hồng Hạnh	50.000.000	50.000.000		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư MTC	34.557.600	34.557.600		
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Giang Anh	-	321.621.000		
Công ty TNHH Thương mại & DV Vận tải Thanh Thủy	44.411.300	38.474.500		
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Minh Hiền	85.800.000	85.800.000		
Công ty CP Sản xuất và XNK NTR HOLDING	91.071.400	23.465.300		
Lê Đình Vang	104.900.000	24.600.000		
Nguyễn Hữu Hiệp	44.437.200	18.380.800		
Võ Thị Hoài Phương	58.756.500	-		
Đỗ Khoa Thủy	43.560.000	-		
Trần Mạnh Linh	79.730.000	-		
Các khách hàng khác	883.499.455	707.592.630		
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	500.111.700	-		
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền nam TBH	370.000.000	370.000.000		
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH	20.771.133	20.771.133		
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản TBH	22.525.000	22.525.000		
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-		
c. Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-		
Cộng	13.197.943.171	12.488.131.442		
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <xem chi tiết phụ lục 03>				
15. Phải trả người lao động	Số cuối năm	Số đầu năm		
Phải trả người lao động	14.303.000	14.303.000		
Cộng	14.303.000	14.303.000		
16. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí khác phải trả (tiền thuê đất)	14.577.650.296	14.577.650.296	14.015.467.420	14.015.467.420
Chi phí phải trả khác	861.682.555	861.682.555	861.682.555	861.682.555
Cộng	15.439.332.851	15.439.332.851	14.877.149.975	14.877.149.975
17. Phải trả khác	Số cuối năm	Số đầu năm		
a. Ngắn hạn	126.848.595.358	115.053.908.395		
Công ty CP Tổng Bách Hóa	120.143.096.276	111.240.522.635		
Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn(*)	41.220.785.783	41.220.785.783		
Công ty CP BT và XD Vinaconex Xuân Mai 105	22.000.000.000	22.000.000.000		
Công ty TNHH TM DV Khách Sạn Tân Hoàng Minh	7.000.000.000	7.000.000.000		
Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý và phát triển nhà Hà Nội	1.015.761.600	-		
Trần Đình Hưng	4.100.000.000	4.100.000.000		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Các khoản bảo hiểm	71.059.099	150.929.711
Phải trả lãi vay NH	42.283.913.270	10.485.874.179
Các đối tượng khác	2.449.739.770	26.279.545.811
Dư có TK 138	1.836.754	3.387.151
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	5.149.429.116	2.257.315.794
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền nam TBH	453.921.883	453.921.883
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH	1.092.353.779	1.092.353.779
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản TBH	9.794.304	9.794.304
Cộng	126.848.595.358	115.053.908.395

b. Dài hạn

Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản	52.000.000	52.000.000
Cộng	126.900.595.358	115.105.908.395

(*) Là khoản nhận góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Nhà văn phòng cho thuê tại số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2649/HĐ-HTĐT/2009 ngày 31 tháng 07 năm 2009 giữa 3 bên là Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội, Công ty Đầu tư và Xây dựng Thái Sơn và Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa.

18. Vay và nợ thuê tài chính**18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn****a. Vay ngắn hạn ngân hàng**

NH TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Thăng Long (1)	54.635.000.000	54.635.000.000
NH TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm (2)	27.989.222.377	27.989.222.377
NH TMCP Xăng dầu - CN Hà Nội (3)	21.504.067.600	24.306.026.000
Ngân hàng NN&PTNT - CN Thăng Long (4)	1.433.496.425	4.433.846.156
Ngân hàng NN&PTNT - CN Nam Hà Nội (5)	15.333.255.137	16.333.255.137

b. Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân (6)

Công ty CP Tổng Bách Hóa	36.560.897.212	36.642.569.212
CBCNV - Kho 6	5.300.000	5.300.000
Công ty CP Đầu tư KD Nhà XD Và TM An Mỹ	265.000.000	265.000.000
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thái Sơn	5.166.050.212	5.166.050.212
Lê Hữu Chiền	505.000.000	-
Nguyễn Thị Vũ	770.000.000	870.000.000
Nguyễn Văn Khoa	112.842.000	112.842.000
Nguyễn Văn Thuận	4.120.000.000	4.120.000.000
Nhân Thị Nhị	60.000.000	60.000.000
Phạm Thị Nga	4.431.356.000	4.431.356.000
Phạm Thị Thanh Hằng	2.000.000.000	2.000.000.000
Phạm Thị Thanh Nhân	699.000.000	799.000.000
Phạm Văn Việt	240.000.000	340.000.000
Trần Thị Kim Dung	2.070.962.000	2.170.962.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Đinh Ngọc Khánh	2.099.980.000	2.286.652.000
Đỗ Anh Dũng	14.015.407.000	14.015.407.000
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH	2.005.605.557	2.005.605.557

c. Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân là bên liên quan (6)**18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn****Cộng****159.461.544.308****166.345.524.439**

(1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số M11012011/HĐHMTD-LienVietPostBankTL ngày 20/06/2012 tại Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long, với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng; trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 60 tỷ đồng, hạn mức mở L/C là 20 tỷ đồng; Mục đích vay: mở L/C để nhập hàng thép cuộn, vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và được gia hạn nợ 24 tháng theo thông báo đồng ý gia hạn nợ ngày 07/04/2014 của Ngân hàng; Lãi suất cho vay: thả nổi và điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng; Các hình thức bảo đảm tiền vay: đối với phương án mua hàng trong nước: cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản; đối với mở L/C nhập khẩu: bảo đảm bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay; ngoài tài sản nêu trên, bên vay cam kết dùng toàn bộ tài sản hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo thay thế, bổ sung theo yêu cầu của ngân hàng;

(2) Hợp đồng tín dụng số 42-08.13/HĐTDHM/TPB.LNH-TBH ngày 04/09/2013 và phụ lục số 01 ngày 13/09/2013 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm, với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Thời hạn của hợp đồng: tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; Lãi suất cho vay: xác định theo từng lần nhận nợ; Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền khai thác đất thuê và quyền khai thác bất động sản (bao gồm cả tài sản hình thành trên đất thuê trong thời gian thế chấp) tại địa chỉ: Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê đất số 119-2004/STNMTNĐ-HĐTĐTN ký giữa Sở tài nguyên môi trường và nhà đất với Trung tâm bách hóa và Dịch vụ thương mại (Bộ Thương mại) ngày 22/10/2004; GCN quyền sử dụng đất số AĐ 493774, mã số quản lý CQ-425 kèm theo Quyết định số 4572/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 do UBND thành phố Hà Nội cấp cho Công ty CP Tổng Bách Hóa ngày 14/11/2007 và bao gồm nhưng không hạn chế toàn bộ các hợp đồng cho thuê lại ký giữa Công ty CP Tổng Bách Hóa với các đối tác thuê lại khác. Tổng giá trị tài sản thế chấp được thống nhất theo Biên bản định giá số 42-08.13/BBĐG/TPB.LNH-TBH ngày 04/09/2013, trị giá là 61.600.000.000 VNĐ.

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐHM/NH-PN/PGB-HO ngày 10/01/2013 tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 58 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Thời hạn của hợp đồng: khi Công ty CP Tổng Bách Hóa thanh toán hết nghĩa vụ nợ với Ngân hàng được quy định trong từng giấy nhận nợ; Lãi suất cho vay: được quy định trên từng Giấy nhận nợ; Các hình thức bảo đảm tiền vay: được quy định theo Hợp đồng thế chấp hàng luân chuyển số 01/2013/HĐTC/PGB ngày 10/01/2013 gồm hàng tồn kho hình thành từ vốn vay, được duy trì đảm bảo tỷ lệ giao dịch tín dụng tối đa so với giá trị định giá tài sản thế chấp không quá 70%. Công ty đã bổ sung tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/PGB/HD ngày 23/03/2015, tài sản thế chấp là các quyền và lợi ích phát sinh từ việc triển khai dự án đầu tư xây dựng của Công ty tại địa điểm 486 Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

(4) Hợp đồng tín dụng số: 845/2013/HĐHM ngày 24/06/2013 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long, với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; Lãi suất cho vay: 11%/năm; Các hình thức bảo đảm tiền vay: theo Hợp đồng thế chấp số 61.2013/HĐTC ngày 22/04/2013 bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Bên thế chấp đối với thửa đất được mô tả như sau: Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2 (BĐHT), diện tích 51,8 m², hình thức sử dụng riêng 51,8 m². Nhà ở có địa chỉ Số 8B, ngõ 8, đường 800A, tổ 33, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; diện tích xây dựng là 50,4 m², tổng diện tích sử dụng là 128 m²; kết cấu bê tông, số tầng: 03.

Các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113012099, hồ sơ gốc số 3728.2003.QĐUB 10085.2003 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 27/06/2003 mang tên ông Nguyễn Tử Ngoạn và vợ bà Vũ Thị Thục, đăng ký sang tên theo văn bản khai nhận di sản thừa kế số 273.2006/KNDSTK ngày 10/11/2006 tại Phòng Công chứng số 3 tp Hà Nội cho bà Vũ Thị Thục, theo xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường Nhà đất TP Hà Nội ngày 16/11/2006. Những tài sản gắn liền với đất, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các tài sản đã tồn tại và sẽ hình thành trong tương lai, đều thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này. Các khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản (nếu có). Trong trường hợp Nhà nước có chủ trương đền bù giải tỏa thì mọi khoản tiền đền bù, giải tỏa, hỗ trợ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các khoản tiền liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ, chi phí tháo dỡ,... đều thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này. Các quyền và lợi ích hợp pháp khác phát sinh từ tài sản theo quy định của pháp luật. Tổng giá trị tài sản là 5.502.300.000 VNĐ.

(5) Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Nam Hà Nội bao gồm 02 hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201300396 ngày 02/07/2013 với các điều khoản chi tiết sau: Số tiền vay: 6.640.000.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán tiền mua tằm mùa vụ 2012-2013 theo Hợp đồng kinh tế số 08/2013/HĐMB/HV-TBH ngày 25/06/2013 ký giữa Công ty Cổ phần Tổng Bách hóa và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công Nghệ Tiêu Chuẩn Hùng Vương; Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất cho vay: 11,5 %/năm; Các hình thức bảo đảm tiền vay: vay không có tài sản đảm bảo;

Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201300435 ngày 16/07/2013 với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất cho vay: căn cứ theo từng giấy nhận nợ; Các hình thức bảo đảm tiền vay: vay không có tài sản đảm bảo;

(6) Các khoản vay huy động vốn từ cán bộ công nhân viên trong Công ty với lãi suất vay thay đổi từng thời kỳ theo thông báo huy động vốn của Công ty. Các khoản vay theo các hợp đồng vay cá nhân không phải cán bộ công nhân viên của Công ty, thời hạn và lãi suất vay quy định trong từng hợp đồng cụ thể.

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 04>

19. Vốn góp chủ sở hữu

19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 05>

19.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu

Vốn góp của các cổ đông

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
31.178.000.000	31.178.000.000
31.178.000.000	31.178.000.000

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	31.178.000.000	31.178.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	31.178.000.000	31.178.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 Cổ tức**19.5 Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	3.117.800	3.117.800
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	3.117.800	3.117.800
Cổ phiếu phổ thông	3.117.800	3.117.800
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.117.800	3.117.800
Cổ phiếu phổ thông	3.117.800	3.117.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu	10.000	10.000

19.6 Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	3.557.218.859	3.557.218.859
Cộng	3.557.218.859	3.557.218.859

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.756.569.464	27.916.282.210
Cộng	23.756.569.464	27.916.282.210

02. Các khoản giảm trừ doanh thu**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.756.569.464	27.916.282.210
Cộng	23.756.569.464	27.916.282.210

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.743.760.889	2.350.786.605
Cộng	1.743.760.889	2.350.786.605

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.661.051	5.556.792
Cổ tức, lợi nhuận được chia	250.000.000	180.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	638.260.000	521.900.000
Cộng	889.921.051	707.456.792

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

		Năm nay	Năm trước
06. Chi phí tài chính			
Chi phí lãi vay		7.899.824.070	11.111.285.216
Cộng		7.899.824.070	11.111.285.216
07. Chi phí bán hàng			
Chi phí cho nhân viên		2.806.476.946	3.311.653.140
Chi phí khấu hao TSCĐ		288.413.093	401.908.616
Thuế, phí và lệ phí		1.978.783.795	4.269.982.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài		5.232.446.821	1.061.732.629
Cộng		10.306.120.655	9.045.277.348
08. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
Chi phí cho nhân viên		2.652.854.253	2.385.065.197
Thuế phí và lệ phí		3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài		1.023.127.535	985.524.546
Chi phí bằng tiền khác		6.547.356.363	4.685.467.156
Cộng		10.226.338.151	8.059.056.899
09. Thu nhập khác			
Thu nhập khác		1.469.583.233	656.568.909
Cộng		1.469.583.233	656.568.909
10. Chi phí khác			
Chi phí khác		34.908.354	25.597.768
Cộng		34.908.354	25.597.768
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.094.878.371)	(1.311.695.925)
Các khoản điều chỉnh tăng:		-	-
- Phạt vi phạm hành chính, thuế		-	-
Các khoản điều chỉnh giảm:		-	-
Tổng thu nhập chịu thuế		(4.094.878.371)	(1.311.695.925)
Thuế suất thuế TNDN		20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.		-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.		-	-
Tổng số thuế TNDN phải nộp		-	-
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		(4.094.878.371)	(1.311.695.925)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông		3.117.800	3.117.800
Lãi trên cổ phiếu		(1.313)	(421)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	5.459.331.199	3.922.900.452
Chi phí khấu hao TSCĐ	288.413.093	401.908.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.001.911.330	2.047.257.175
Chi phí khác	5.235.446.821	6.046.800.848
Cộng	13.985.102.443	12.418.867.091

VIII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:***Tài sản tài chính:***

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.926.862.801	1.992.612.858
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	119.539.589.542	118.855.396.357
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	159.461.544.308	166.345.524.439
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	143.698.269.817	132.911.847.228
Công nợ tài chính khác	-	-

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	143.698.269.817	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
Công nợ khác	15.439.332.851	-

2. Thông tin về các bên liên quan:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên có liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền nam Tổng Bách hoá	Công ty con
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm Tổng Bách hoá	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản	Công ty con
Bà Lê Thị Hợp	Chủ tịch HĐQT

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ:

2.1 Giao dịch phát sinh	Quan hệ với Công ty	Năm nay
2.2 Công nợ với bên liên quan		
* Các khoản phải thu	-	-
Công nợ với các bên liên quan khác		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V5		
2.3 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương, phụ cấp của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	604.307.485	1.033.444.517

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản lỗ thuần của công ty đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 298.775.853.790 đồng. Và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của công ty đã vượt quá Tổng tài sản là 262.652.180.060 đồng, và vốn chủ sở hữu âm 262.652.180.060 đồng.

Công ty có 4 Công ty con thì trong đó 2 Công ty con đã dừng hoạt động từ năm 2014 (Công ty TNHH MTV Thương mại Miền nam TBH và Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH) và 1 Công ty con đã dừng hoạt động từ năm 2013 (Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản TBH).

Tuy nhiên, trong năm 2018, công ty đang tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ phải thu khách hàng cùng với sự hỗ trợ tài chính của Tập đoàn Tân Hoàng Minh.

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh và các biện pháp nêu trên, Ban giám đốc công ty vẫn tin rằng công ty vẫn hoạt động liên tục.

5. Những thông tin khác**5.1 Một số chỉ tiêu tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	87,18	86,56
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	12,82	13,44
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	397,65	397,67
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	(297,65)	(297,67)
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	0,25	0,25
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0,22	0,22
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,01	0,01
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	(17,24)	(4,70)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	(17,24)	(4,70)
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	(4,64)	(1,52)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	(4,64)	(1,52)

5.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

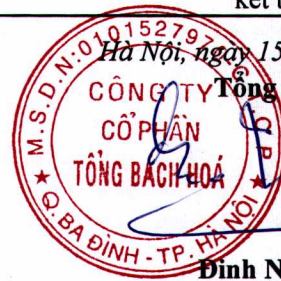
kết thúc ngày 31/12/2018

Người lập biểu

Hà Thanh Leten

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc



Đinh Ngọc Khanh

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018**Phụ lục số 01: Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: đồng

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc
(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn		12.573.483.005	-	12.573.483.005		12.683.483.005
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.573.483.005	-	12.573.483.005		12.683.483.005
Công ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập khẩu TBH	-	6.506.248.569	-	6.506.248.569	-	6.616.248.569
Công ty TNHH MTV Thương Mại Miền Nam TBH		3.174.000.000		3.174.000.000		3.174.000.000
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH		2.793.234.436		2.793.234.436		2.793.234.436
Lê Thị Hợp		100.000.000		100.000.000		100.000.000
(b) Đầu tư tài chính dài hạn		3.245.325.956	-	3.245.325.956		3.245.325.956
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.245.325.956	-	3.245.325.956		3.245.325.956
Công ty Cổ phần Thương mại Hoàng Sơn (1)		3.245.325.956	-	3.245.325.956		3.245.325.956

(1) Đầu tư hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-11/HTKD/TBH-HS ngày 21 tháng 09 năm 2011 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Hoàng Sơn về việc cùng hợp tác mua tàu cũ để phá dỡ và bán các sản phẩm thu được. Lợi nhuận của Công ty từ hợp đồng hợp tác kinh doanh bao gồm tiền bán các sản phẩm thu được, lãi 2%/tháng và lãi suất cố định 150.000.000 VND.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 02: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	19.477.812.345	98.960.000	1.727.942.279	10.363.636	21.315.078.260
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	19.477.812.345	98.960.000	1.727.942.279	10.363.636	21.315.078.260
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	18.194.498.717	77.538.834	1.727.942.279	10.363.636	20.010.343.466
- Khấu hao trong năm	287.501.763	911.330	-	-	288.413.093
- Tăng khác	-	20.509.836	-	-	20.509.836
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	20.509.836	-	-	-	20.509.836
Số dư cuối kỳ	18.461.490.644	98.960.000	1.727.942.279	10.363.636	20.298.756.559
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	1.283.313.628	21.421.166	-	-	1.304.734.794
- Tại ngày cuối năm	1.016.321.701	-	-	-	1.016.321.701

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018**Phụ lục 03: Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: đồng

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.872.117.128	3.230.912.082	4.798.519.172	1.435.615	2.592.363.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.223.923.711	49.381.615	11.736.488	675.261.537	2.677.570.665	49.381.615
Thuế thu nhập cá nhân	57.973	637.555.162	69.584.570	45.527.101	57.973	672.941.853
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	11.124.325.286	4.222.710.433	222.828.657	-	15.124.207.062
Các loại thuế khác			24.113.000	22.267.000		1.846.000
Phí và các loại phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	3.223.981.684	15.683.379.191	7.562.056.573	5.767.403.467	2.679.064.253	18.440.740.130

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại: Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục số 04: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay

Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng cộng	159.461.544.308	159.461.544.308	1.300.000.000	8.183.980.131	166.345.524.439	166.345.524.439
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	159.461.544.308	159.461.544.308	1.300.000.000	8.183.980.131	166.345.524.439	166.345.524.439
Vay ngắn hạn ngân hàng	120.895.041.539	120.895.041.539	-	6.802.308.131	127.697.349.670	127.697.349.670
NH TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Thăng Long	54.635.000.000	54.635.000.000	-	-	54.635.000.000	54.635.000.000
NH TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm	27.989.222.377	27.989.222.377	-	-	27.989.222.377	27.989.222.377
NH TMCP Xăng dầu - CN Hà Nội	21.504.067.600	21.504.067.600	-	2.801.958.400	24.306.026.000	24.306.026.000
Ngân hàng NN&PTNT - CN Thăng Long	1.433.496.425	1.433.496.425	-	3.000.349.731	4.433.846.156	4.433.846.156
Ngân hàng NN&PTNT - CN Nam Hà Nội	15.333.255.137	15.333.255.137	-	1.000.000.000	16.333.255.137	16.333.255.137
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân	38.566.502.769	38.566.502.769	1.300.000.000	1.381.672.000	38.648.174.769	38.648.174.769
CBCNV - Kho 6	5.300.000	5.300.000	-	-	5.300.000	5.300.000
Công ty CP Đầu Tư KD Nhà XD Và TM An Mỹ	265.000.000	265.000.000	-	-	265.000.000	265.000.000
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thái Sơn	5.166.050.212	5.166.050.212	-	-	5.166.050.212	5.166.050.212

Lê Hữu Chiến	505.000.000	505.000.000	1.000.000.000	495.000.000	-	-
Nguyễn Thị Vũ	770.000.000	770.000.000	-	100.000.000	870.000.000	870.000.000
Nguyễn Văn Khoa	112.842.000	112.842.000	-	-	112.842.000	112.842.000
Nguyễn Văn Thuận	4.120.000.000	4.120.000.000	300.000.000	300.000.000	4.120.000.000	4.120.000.000
Nhân Thị Nhị	60.000.000	60.000.000	-	-	60.000.000	60.000.000
Phạm Thị Nga	4.431.356.000	4.431.356.000	-	-	4.431.356.000	4.431.356.000
Phạm Thị Thanh Hằng	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phạm Thị Thanh Nhân	699.000.000	699.000.000	-	100.000.000	799.000.000	799.000.000
Phạm Văn Việt	240.000.000	240.000.000	-	100.000.000	340.000.000	340.000.000
Trần Thị Kim Dung	2.070.962.000	2.070.962.000	-	100.000.000	2.170.962.000	2.170.962.000
Đinh Ngọc Khánh	2.099.980.000	2.099.980.000	-	186.672.000	2.286.652.000	2.286.652.000
Đỗ Anh Dũng	14.015.407.000	14.015.407.000	-	-	14.015.407.000	14.015.407.000
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH	2.005.605.557	2.005.605.557	-	-	2.005.605.557	2.005.605.557
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Phụ lục 05: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	31.178.000.000	-	3.557.218.859	1.388.454.871	(290.905.319.376)	(254.781.648.646)
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	21.786.070	-	21.786.070
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	1.311.695.925	1.311.695.925
- Giảm khác	-	-	-	-	740.093.005	740.093.005
2. Số dư cuối năm trước	31.178.000.000	-	3.557.218.859	1.410.240.941	(292.957.108.306)	(256.811.648.506)
3. Số dư đầu năm nay	31.178.000.000	-	3.557.218.859	1.410.240.941	(292.957.108.306)	(256.811.648.506)
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
+ Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	4.094.878.371	4.094.878.371
- Giảm khác	-	-	-	21.786.070	1.723.867.113	1.745.653.183
4. Số dư cuối năm	31.178.000.000	-	3.557.218.859	1.388.454.871	(298.775.853.790)	(262.652.180.060)